

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phum

2. Ông Trần Văn Rọi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, **theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2020/QĐST-HN ngày 28 tháng 5 năm 2020**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng D, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp P, xã P1, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp P2, xã P3, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp P, xã P1, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng D trình bày: Chị và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới có cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn vì bán để chi phí trong gia đình. Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thảo Nguyên, sinh ngày 18/02/2015 và Nguyễn Thanh Nguyên, sinh ngày 30/8/2016, hiện ba mẹ chồng chị đang nuôi. Tài sản chung và nợ chung không có.

Trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng thường hay cãi vã nhau do không phù hợp về tính tình, anh Đ không chăm lo gì cho gia đình, không đi làm mà đam mê cờ bạc, đá gà và sử dụng ma túy, anh Đ nhiều lần đánh chị. Thời gian đầu vì thương con nên chị cố gắng nhẫn nhịn, chị khuyên nhủ anh Đ nhiều lần để cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng cuối cùng vẫn không thay đổi nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, trong khoảng thời gian ly thân anh chị cũng có gặp nhau bàn bạc hàn gắn gia đình nhưng không được, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Do đó chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:* Anh Đ đã được Tòa án tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị D.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D; giao 02 con cho chị D trông nom chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con; tài sản và nợ chung, chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị D yêu cầu ly hôn, do anh Đ không chăm lo kinh tế gia đình, không đi làm lại đam mê cờ bạc, đá gà, sử dụng ma túy, anh Đ nhiều lần đánh chị và anh chị sống ly thân từ tháng 10-2019 đến nay. Xét thấy, anh Đ đã được Tòa án tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, chứng tỏ anh Đ không thể hiện thiện chí đoàn tụ và trong thời gian ly thân mặc dù anh chị có gặp nhau tìm cách hàn gắn gia đình nhưng không được, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị D và anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con tên Nguyễn Thảo Nguyên, sinh ngày 18/02/2015 và Nguyễn Thanh Nguyên, sinh ngày

30/8/2016, riêng anh Đ không ý kiến. Xét thấy, cháu Thảo Nguyên và Thanh Nguyên là gái, để tạo điều kiện cho cháu phát triển tốt về mặt tâm sinh lý sau này nên Hội đồng xét xử cần giao hai cháu cho chị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng việc cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này anh Đ có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hồng D với anh Nguyễn Văn Đ. Chị D được ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Thảo Nguyên, sinh ngày 18/02/2015 và Nguyễn Thanh Nguyên, sinh ngày 30/8/2016. Anh Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0000044 ngày 07/01/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân xã và nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Phước Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Vui